

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 04-3-2024

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Hải

2. Ông Lê Thành Chì

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hữu Văn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 468/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguỵên đơn:* Chị Phan Thị L, sinh năm: 1990; địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre. (có đơn xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Trung T, sinh năm: 1988; địa chỉ: số 38/1 ấp V, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/12/2023 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Phan Thị L trình bày:

Chị và anh Bùi Trung T tiến tới hôn nhân là do quen biết, có tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến tới hôn nhân. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Kết hôn xong, vợ chồng chung sống có hạnh phúc thời gian đầu tuy nhiên thời gian sau này vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh T không chung thủy, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình và nhiều vấn đề khác nhưng giữa chị và anh T không khắc phục được, chị và anh T đã không còn sống chung với nhau, hai bên không có hàn gắn tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng dành cho anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly

hôn với anh Bùi Trung T. Chị không yêu cầu anh Bùi Trung T cấp dưỡng cho chị khi ly hôn.

Về con chung: chị và anh T có 01 con chung tên Bùi Phan Uyên B, sinh ngày 04/3/2017, con chung đang sống chung với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết

Bị đơn anh Bùi Trung T vắng mặt trong tất cả các lần Tòa án triệu tập, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Nguyên đơn đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng qui định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị L, cho chị Phan Thị L được ly hôn với anh Bùi Trung T; chị L không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét. Về con chung: giao cháu Bùi Phan Uyên B, sinh ngày 04/3/2017 cho chị Phan Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh Bùi Trung T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị L không yêu cầu. Về tài sản chung, chị L trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung, chị L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn thì vụ án có quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Bùi Trung T đăng ký thường trú tại ấp V, xã Đ, huyện T, tỉnh Bến Tre nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: nguyên đơn chị L có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L và anh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: xét về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn thấy rằng chị L và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre, quan hệ hôn nhân của chị L và anh T đã tuân thủ đầy đủ các quy định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên được

pháp luật công nhận và bảo vệ. Xét lời trình bày của chị L cho rằng, quá trình sống chung giữa chị và anh T có hạnh phúc một thời gian, sau đó thì không còn hạnh phúc do có xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và đã không còn sống chung với nhau một khoảng thời gian nhưng không có gặp gỡ để hàn gắn tình cảm. Đối với anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa xét xử. Như vậy, có cơ sở xác định anh T không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị L. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của chị L và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh T. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, do chị L không yêu cầu và không ghi nhận được ý kiến của anh T nên không xem xét giải quyết.

[4] Về con chung: chị L và anh T có 01 con chung là cháu Bùi Phan Uyên B, sinh ngày 04/3/2017. Thấy rằng, từ khi chị L và anh T không còn sống chung thì chị L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Bùi Phan Uyên B nên giao cháu Bùi Phan Uyên B cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp. Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung: Chị L trình bày không yêu cầu giải quyết, đối với anh T không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị L trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, đối với anh T không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: do yêu cầu ly hôn được chấp nhận nên chị L phải nộp án phí hôn nhân không có giá ngạch là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị L đối với anh Bùi Trung T. Chị Phan Thị L được ly hôn với anh Bùi Trung T.

Chị Phan Thị L không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Bùi Phan Uyên B, sinh ngày 04/3/2017 cho chị Phan Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, anh Bùi Trung T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Phan Thị L không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền,

nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. Về chia tài sản chung: chị Phan Thị L trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Bùi Trung T không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: chị Phan Thị L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Bùi Trung T không có lời trình bày nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: chị Phan Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0000459 ngày 13/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, án phí đã nộp đủ.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- UBND xã Đ;
- huyện M, tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu HS, Vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hồ Văn Tú

